

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐÚ ĐIỀU KIỆN XÉT MIỄN GIÁM HỌC PHÍ
NĂM HỌC 2019-2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5005/QĐ/ĐHDT ngày 25 tháng 12 năm 2019)

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối Tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB năm học 2018-2019	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ
ĐỐI TƯỢNG 1 - Đặc biệt khó khăn theo QĐ nhà nước và SV thuộc diện nghèo của địa phương										
1	Bùi Thị Kiều Mỹ	Kế Toán	2220268795	K22KDN2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Gio Hải ngày 01/10/2019	Gio Hải, Gio Linh, Quảng Trị	7.96	Tốt	1,000,000	
2	Võ Thị Hoàng Thương	Kế Toán	2320262841	K23KDN2	Hộ nghèo năm 2019 có xác nhận của UBND xã Bình Dương ngày 18/10/2019	Bình Dương, Thăng Bình, Quảng Nam	7.58	Tốt	1,000,000	
3	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Kế Toán	24203109983	K24KKT1	Xã đặc biệt khó khăn, miền núi có xác nhận của UBND huyện Lộc Hà ngày 01/10/2019	Hồng Lộc, Lộc Hà, Hà Tĩnh	8.45	Xuất Sắc	1,000,000	
4	Trương Thị Kỳ Duyên	QTKD	23202711477	K23QNT	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo có xác nhận của UBND xã Phổ Khánh ngày 10/10/2019.	Phổ Khánh, Đức Phổ, Quảng Ngãi	8.51	Xuất Sắc	1,000,000	
5	Nguyễn Hồng Khiêm	QTKD	23212111395	K23QNT	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo có xác nhận của UBND xã Bình Châu ngày 07/10/2019.	Bình Châu, Bình Sơn, Quảng Ngãi	5.95	Tốt	500,000	
6	Nguyễn Thị Hồng Nhung	QTKD	23202111732	K23QTH4	Xã miền núi có xác nhận của UBND xã Đại Tân ngày 15/10/2019	Đại Tân, Đại Lộc, Quảng Nam	7.59	Tốt	1,000,000	
7	Trần Thị Diệp	QTKD	24202207832	K24HP QTM	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Cát Minh ngày 07/10/2019	Cát Minh, Phù Cát, Bình Định	7.23	Xuất Sắc	1,000,000	
8	Trương Thị Nguyệt	QTKD	24202104600	K24QTH6	Hộ nghèo năm 2019 có xác nhận của UBND xã Tiên Lập ngày 01/01/2019.	Tiên Lập, Tiên Phước, Quảng Nam	8.65	Tốt	1,000,000	

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối Tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB năm học 2018-2019	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ
9	Võ Ngọc Kiều Oanh	Du Lịch	2220714130	K22PSU DLK2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã An Ninh Tây ngày 08/10/2019.	An Ninh Tây, Tuy An, Phú Yên	8.28	Tốt	1,000,000	
10	Trần Phước Huy	Du Lịch	24217204307	K24PSU DLL7	Hộ nghèo năm 2019 có xác nhận của UBND Phường An Hải Bắc ngày 01/01/2019.	An Hải Bắc, Sơn Trà, Đà Nẵng	8.35	Xuất Sắc	1,000,000	
11	Võ Phan Thu Uyên	Du Lịch	24207207351	K24DLK16	Hộ nghèo năm 2019 có xác nhận của UBND Phường Hòa Minh ngày 17/06/2019.	Hòa Minh, Liên Chiểu, Đà Nẵng	6.07	Tốt	500,000	
12	Huỳnh Thị Thanh Nguyệt	Du Lịch	24207211860	K24DLK4	Hộ nghèo năm 2019 có xác nhận của UBND Phường Chính Gián ngày 06/06/2019.	Chính Gián, Thanh Khê, Đà Nẵng	7.55	Tốt	1,000,000	
13	Nguyễn Bửu Hoài Nhân	Du Lịch	24217211906	K24DLL4	Hộ nghèo năm 2019 có xác nhận của UBND Phường Hòa Minh ngày 30/09/2019	Hòa Minh, Liên Chiểu, Đà Nẵng	8.21	Xuất Sắc	1,000,000	
14	Trần Nguyễn Chí Khang	Du Lịch	24211210593	K24DLL4	Hộ nghèo năm 2019 có xác nhận của UBND Phường Hòa Thọ Đông	Hòa Thọ Đông, Cẩm Lệ, Đà Nẵng	7.43	Tốt	1,000,000	
15	Lê Thị Minh Thư	Du Lịch	24207213529	K24DLK3	Hộ nghèo năm 2019 có xác nhận của UBND xã Duy Trung ngày 19/04/2019	Duy Trung, Duy Xuyên, Quảng Nam	7.57	Tốt	1,000,000	
16	Trần Thị Ái Nhi	Du Lịch	24207108097	K24PSU DLK6	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Cát Minh ngày 23/09/2019.	Cát Minh, Phù Cát, Bình Định	7.55	Tốt	1,000,000	
17	Lê Văn Trải	CNTT	2321122527	K23TPM6	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND xã Kim Thủy ngày 15/08/2019	Kim Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	7.40	Khá	1,000,000	
18	Nguyễn Lê Hoàng	CNTT	24211204074	K24TPM9	Vùng đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã Buôn Triết ngày 20/09/2019.	Buôn Triết, Lawk, Đăk Lăk	5.83	Tốt	500,000	
19	Nguyễn Vĩnh Tiên	CNTT	24211213691	K24TPM1	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã Ân Nghĩa ngày 14/10/2019.	Ân Nghĩa, Hoài Ân, Bình Định	8.33	Xuất Sắc	1,000,000	

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối Tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB năm học 2018-2019	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ
20	Hồ Thị Vân	CNTT	24201202197	K24TPM7	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Gio Hải ngày 07/10/2019	Gio Hải, Gio Linh, Quảng Trị	9.16	Tốt	1,000,000	
21	Trần Thanh Can	Xây Dựng	2221219042	K22XDD1	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã An Ninh Đông ngày 01/10/2019.	An Ninh Đông, Tuy An, Phú Yên	7.99	Tốt	1,000,000	
22	Cao Thị Kiều	Đ Dường	2320519483	K23YDD1	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Mỹ Thắng ngày 31/07/2019	Mỹ Thắng, Phù Mỹ, Bình Định.	7.27	Tốt	1,000,000	
23	Võ Thị Trà Giang	Đ Dường	23205110925	K23YDD2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã An Ninh Tây ngày 01/10/2019.	An Ninh Tây, Tuy An, Phú Yên	8.74	Xuất Sắc	1,000,000	
24	Ngô Thuyền	Đ Dường	2321519458	K23YDD3	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Cát Thành ngày 30/09/2019	Cát Thành, Phù Cát, Bình Định	7.90	Xuất Sắc	1,000,000	
25	Trần Huỳnh Như	Đ Dường	2320519451	K23YDD1	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Mỹ Thành ngày 04/10/2019	Mỹ Thành, Phù Mỹ, Bình Định	7.83	Tốt	1,000,000	
26	Nguyễn Thị Anh Thư	Đ Dường	2320713595	K23YDD4	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Tam Tiến ngày 25/09/2019.	Tam Tiến, Núi Thành, Quảng Nam	7.34	Tốt	1,000,000	
27	Lê Thị Tuyên	Đ Dường	23205110676	K23YDD4	Hộ nghèo năm 2019 có xác nhận của UBND Xã EaHleo ngày 01/01/2019.	EaHleo, EaHleo, Đăk Lawk.	7.78	Tốt	1,000,000	
28	Trương Thị Ngọc Huyền	Đ Dường	24205115539	K24YDD2	Hộ nghèo năm 2019 có xác nhận của UBND phường Hòa Minh ngày 16/08/2019.	Hòa Minh, Liên Chiểu, Đà Nẵng	7.09	Tốt	1,000,000	
29	Nguyễn Tường Vy	Đ Dường	2320519529	K23YDD3	Vùng khó khăn có xác nhận của Công An huyện Vĩnh Thạnh ngày 30/09/2019.	Vĩnh Hảo, Vĩnh Thạnh, Bình Định	6.86	Giỏi	500.000	
30	Nguyễn Thị Hà	Đ Dường	24205105479	K24YDD4	Xã miền núi có xác nhận của UBND xã Ân Nghĩa ngày 01/10/2019	Ân Nghĩa, Hoài Ân, Bình Định	6.83	Tốt	500,000	

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối Tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB năm học 2018-2019	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ
31	Ngô Thị Tường Vi	Đ Dường	2220227837	K22YDD1	Xã miền núi có xác nhận của Công An xã Ia Yok ngày 27/09/2019.	Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai	6.80	Tốt	500,000	
32	Đặng Thị Út Hạnh	Dược	2120524603	K21YDH2	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND Xã Ân Nghĩa ngày 25/09/2019.	Ân Nghĩa, Hoài Ân, Bình Định	7.30	Tốt	1,000,000	
33	Lê Đỗ Hoài Phương	Dược	2220528287	K22YDH2	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND TT Khâm Đức ngày 24/09/2019.	TT Khâm Đức, Phước Sơn, Quảng Nam	8.31	Xuất Sắc	1,000,000	
34	Lê Thị Ca May	Dược	2120524791	K21YDH7	Hộ nghèo năm 2019 có xác nhận của UBND xã Hồng Bắc ngày 01/01/2019	Hồng Bắc, A Lưới, TT Huế	7.67	Tốt	1,000,000	
35	Hồ Thị Kim Duyên	Dược	2120524503	K21YDH2	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã Trà Nú ngày 20/09/2019	Trà Nú, Bắc Trà My, Quảng Nam	7.65	Tốt	1,000,000	
36	Bùi Thị Yến Nhạn	Dược	2320523866	K23YDH2	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND xã Ân Nghĩa ngày 01/10/2019.	Ân Nghĩa, Hoài Ân, Bình Định	7.89	Tốt	1,000,000	
37	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Dược	23205212109	K23YDH9	Hộ nghèo có xác nhận của UBND TT Ea Drăng năm 2019	Ea Drăng, Ea H'Leo, Đăk Lăk	7.55	Tốt	1,000,000	
38	Trần Thị Huệ	Dược	23205210247	K23YDH8	Hộ nghèo có xác nhận của UBND xã Hoa Thủy ngày 26/09/2019.	Hoa Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình	8.02	Giỏi	1,000,000	
39	Phạm Thị Ái Vy	Dược	2220523145	K22YDH2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Bình Chánh ngày 14/10/2019	Bình Chánh, Bình Sơn, Quảng Ngãi	8.64	Tốt	1,000,000	
40	Phạm Thị Nhung Sâm	Dược	2220523039	K22YDH7	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Phổ Khánh ngày 26/09/2019.	Phổ Khánh, Đức Phổ, Quảng Ngãi	7.96	Tốt	1,000,000	
41	Nguyễn Thị Hoa	Dược	2320529226	K23YDH7	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND xã Uar ngày 30/09/2019	Uar, Krông Pa, Gia Lai	6.30	Tốt	500,000	

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối Tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB năm học 2018-2019	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ
42	Đinh Thị Thoa	Dược	2320528982	K23YDH4	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND xã Đại Tân ngày 15/10/2019	Đại Tân, Đại Lộc, Quảng Nam	7.70	Khá	1,000,000	
43	Nguyễn Thị Yến Nhi	Dược	2220523097	K22YDH1	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Mỹ Thành ngày 24/09/2019.	Mỹ Thành, Phù Mỹ, Bình Định	7.57	Tốt	1,000,000	
44	Dương Thị Thanh Diệu	Dược	2320529638	K23YDH3	Khu vực miền núi có xác nhận của UBND xã Ân Nghĩa ngày 23/09/2019.	Ân Nghĩa, Hoài Ân, Bình Định	7.41	Tốt	1,000,000	
45	Phùng Nguyễn Ngọc Thảo	Dược	2220523237	K22YDH5	Hộ nghèo năm 2019 có xác nhận của UBND xã Hòa Thành ngày 01/10/2019	Hòa Thành, Krông Bông, Đắk Lắk	7.47	Tốt	1,000,000	
46	Mai Thị Vân	Dược	24265203058	D24YDH	Xã đặc biệt khó khăn thuộc khu vực 2 có xác nhận của UBND Xã Quỳnh Hoa ngày 08/08/2019.	Quỳnh Hoa, Quỳnh Lưu, Nghệ An	8.82	Tốt	1,000,000	
47	Nguyễn Thị Thùy Dung	Dược	24265203019	D24YDH	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã Trà Sơn ngày 07/10/2019.	Trà Sơn, Bắc Trà My, Quảng Nam	8.01	Tốt	1,000,000	
48	Phạm Bích Hợp	Dược	2320519459	K23YDH8	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của xã An Ninh Tây ngày 30/09/2019.	An Ninh Tây, Tuy An, Phú Yên	6.90	Tốt	500,000	
49	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Dược	24205216091	K24YDH8	Khu vực 3 vùng khó khăn có xác nhận của UBND xã Cuwelang ngày 23/09/2019.	Cư Elang, Eakar, Đăklăk.	8.00	Tốt	1,000,000	
50	Nguyễn Thị Bình Nhường	Dược	24205215614	K24YDH7	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của xã Mỹ Thành ngày 03/10/2019.	Mỹ Thành, Phù Mỹ, Bình Định	7.44	Tốt	1,000,000	
51	Trần Thị Xuân Lộc	Dược	23205210204	K23YDH1	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã Bình Sơn ngày 14/10/2019	Bình Sơn, Hiệp Đức, Quảng Nam	8.57	Xuất Sắc	1,000,000	
52	Nguyễn Thị Hà	Dược	2120524511	K21YDH7	Xã miền núi có xác nhận của UBND xã Ân Hữu ngày 06/09/2019.	Ân Hữu, Hoài Ân, Bình Định	7.18	Tốt	1,000,000	

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối Tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB năm học 2018-2019	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ
53	Nguyễn Ngô Nhật Nam	Dược	2121528819	K21YDH9	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của xã An Ninh Đông ngày 15/10/2019.	An Ninh Đông, Tuy An, Phú Yên	7.01	Tốt	1,000,000	
54	Lê Thị Chung	Dược	2320529105	K23YDH5	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của xã An Ninh Đông ngày 25/10/2019	An Ninh Đông, Tuy An, Phú Yên	7.77	Tốt	1,000,000	
55	Huỳnh Dương Minh	Y	2121534401	K21YDK2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND Xã Ân Nghĩa ngày 27/09/2019.	Ân Nghĩa, Hoài Ân, Bình Định	8.26	Xuất Sắc	1,000,000	
56	Nguyễn Tấn Khải	Y	2221532365	K22YDK3	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã An Ninh Đông ngày 20/09/2019	An Ninh Đông, Tuy An, Phú Yên	8.04	Xuất Sắc	1,000,000	
57	Nguyễn Ý Nhi	Y	2220532360	K22YDK4	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Phổ Châu ngày 24/06/2019	Phổ Châu, Đức Phổ, Quảng Ngãi	7.57	Xuất Sắc	1,000,000	
58	Võ Văn Hùng	ĐTQT	2321122017	K23CMU TPM7	Xã khó khăn có xác nhận của UBND xã Ia Ka ngày 03/10/2019	Ia Ka, Chư Păh, Gia Lai	8.35	Xuất Sắc	1,000,000	
59	Trần Thị Thanh Thúy	ĐTQT	2320257504	K23PSU KKT2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Cát Minh ngày 23/09/2019	Cát Minh, Phù Cát, Bình Định	7.21	Khá	1,000,000	
60	Nguyễn Thị Hồng Nhi	ĐTQT	2220278916	K22PSU QTH1	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã Bình Thạnh ngày 07/10/2019	Bình Thạnh, Bình Sơn, Quảng Ngãi	7.94	Khá	1,000,000	
61	Đỗ Thị Phương Anh	ĐTQT	23202510951	K23PSU KKT1	Xã đặc biệt khó khăn có xác nhận của UBND xã TàBhing ngày 24/09/2019.	Tà Bhing, Nam Giang, Quảng Nam	7.99	Tốt	1,000,000	
62	Đặng Hữu Quang	ĐTQT	24212101209	K24PSU QTH2	Hộ nghèo năm 2019 có xác nhận của UBND xã Phú Xuân ngày 01/01/2019.	Phú Xuân, Phú Vang, TT Huế	7.72	Xuất Sắc	1,000,000	
63	Bùi Thị Phụng Trâm	ĐTQT	24202101634	K24PSU QTH1	Hộ nghèo năm 2019 có xác nhận của UBND phường Xuân Yên ngày 25/01/2019.	Xuân Yên, Sông Cầu, Phú Yên	5.85	Khá	500,000	

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối Tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB năm học 2018-2019	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ
64	Trần Thị Hà	Luật	24202115750	K24LKT1	Xã khó khăn có xác nhận của Công An xã Bình Thanh ngày 22/10/2019	Bình Thạnh, Bình Sơn, Quảng Ngãi	7.71	Xuất Sắc	1,000,000	
65	Bùi Thị Tuyết Linh	N. Ngữ	2220316219	K22NAB4	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND Xã Phổ Khánh ngày 04/10/2019.	Phổ Khánh, Đức Phổ, Quảng Ngãi	7.46	Xuất Sắc	1,000,000	
66	Lê Thị Ngọc Tuyết	N. Ngữ	2220316330	K22NAB3	Xã miền núi có xác nhận của UBND xã Trường Xuân ngày 30/09/2019	Trường Xuân, Quảng Ninh, Quảng Bình	7.74	Tốt	1,000,000	
67	Tô Thị Bích Diễm	N. Ngữ	2220316178	K22NAB4	Xã khó khăn có xác nhận của UBND xã An Lĩnh ngày 02/10/2019.	An Lĩnh, Tuy An, Phú Yên	7.21	Tốt	1,000,000	
68	Lê Thị Thu Nga	N. Ngữ	2220313921	K22NAB2	Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có xác nhận của UBND xã An Ninh Đông ngày 01/10/2019.	An Ninh Đông, Tuy An, Phú Yên	6.25	Khá	500,000	
69	Lê Đình Quốc Kiên	N. Ngữ	24213216677	K24HP-NAD	Hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của UBND phường Hòa Thuận Đông ngày 01/10/2019	Hòa Thuận Đông, Hải Châu, Đà Nẵng	8.10	Tốt	1,000,000	
70	Tôn Nữ Cẩm Nhung	N. Ngữ	2320310935	K23NAB2	Hộ nghèo năm 2019 có xác nhận của UBND phường Hòa Khánh Nam ngày 26/09/2019.	Hòa Khánh Nam, Liên Chiểu, Đà Nẵng.	7.27	Tốt	1,000,000	
71	Nguyễn Nhật Trung Danh	N. Ngữ	2220323966	K22NAD1	Hộ nghèo năm 2019 có xác nhận của UBND xã Hoài Châu ngày 01/01/2019.	Hoài Châu, Hoài Nhơn, Bình Định	7.12	Tốt	1,000,000	
72	Lê Thị Quỳnh Như	N. Ngữ	24203100117	K24NAB5	Hộ nghèo năm 2019 có xác nhận của UBND xã Ân Hữu ngày 02/01/2019.	Ân Hữu, Hoài Ân, Bình Định	8.73	Tốt	1,000,000	
									66,500,000	

ĐỐI TƯỢNG 2 - Sinh viên theo học 2 ngành tại trường

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

ĐỐI TƯỢNG 3: Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ

1	Phạm Tùng Lâm	QTKD	2121867595	K22QTH3	Mồ côi cả cha lẫn mẹ	Hai giấy chứng từ có xác nhận tại địa phương	6.70	Tốt	1,500,000	
---	---------------	------	------------	---------	----------------------	--	------	-----	-----------	--

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối Tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB năm học 2018-2019	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ
2	Lương Diệp Quỳnh Thảo	Du Lịch	24207108464	K24DLK10	Mồ côi cả cha lẫn mẹ	Hai giấy chứng từ có xác nhận tại địa phương	7.34	Tốt	2,000,000	
									3,500,000	

ĐỐI TƯỢNG 4 - Sinh viên mồ côi cha hoặc mẹ nhưng có hoàn cảnh khó khăn

1	Trương Thanh Ngân	Kế Toán	2220265397	K22KDN2	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	QĐ mất tích của TAND huyện Đức Phổ ngày 22/09/2006 + Hộ nghèo 2019.	7.52	Tốt	1,200,000	
2	Bùi Thị Mỹ Linh	QTKD	2320213033	K23QTH4	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng từ + Xã khó khăn có xác nhận của địa phương	7.57	Tốt	1,200,000	
3	Huỳnh Thị Ngọc Hồng	QTKD	2320212598	K23QTH4	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng từ + Hộ nghèo có xác nhận của địa phương	8.26	Xuất Sắc	1,200,000	
4	Nguyễn Quốc Huy	Du Lịch	2321712256	K23DLK2	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng từ + Hộ nghèo có xác nhận của địa phương	8.18	Tốt	1,200,000	
5	Phạm Thị Mỹ Uyên	Du Lịch	24207208579	K24DLK4	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng từ + Hộ cận nghèo có xác nhận của địa phương	7.12	Khá	1,200,000	
6	Nguyễn Thị Ngọc Thoa	Du Lịch	24207100519	K24DLK14	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng từ + Hộ nghèo có xác nhận của địa phương	6.65	Tốt	800,000	
7	Nguyễn Vũ Sang	Xây Dựng	24216116006	K24XDD2	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng từ + Hộ nghèo có xác nhận của địa phương	6.59	Tốt	800,000	
8	Mai Hậu	Xây Dựng	2221613440	K22XDD1	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng từ + Hộ nghèo có xác nhận của địa phương	6.56	Tốt	800,000	
9	Phan Thị Tuyết Nga	Kiến Trúc	24201202202	K24ADH4	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng từ + Hộ nghèo có xác nhận của địa phương	7.79	Tốt	1,200,000	
10	Phan Thị Thúy Hiền	Dược	2120524572	K21YDH10	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng từ + Hộ nghèo có xác nhận của địa phương	7.84	Tốt	1,200,000	
11	Phan Tố Quyên	Dược	2320529172	K23YDH2	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng từ + Giấy xác nhận xã khó khăn	7.14	Tốt	1,200,000	

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối Tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB năm học 2018-2019	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ
12	Nguyễn Thị Yên Trinh	Đ. Dưỡng	2320513015	K23YDD5	Mồ côi mẹ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Giấy xác nhận gia đình khó khăn tại địa phương.	7.25	Tốt	1,200,000	
13	Huỳnh Thị Diễm Quỳnh	Đ. Dưỡng	24205103946	K24YDD4	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Giấy xác nhận gia đình khó khăn tại địa phương.	8.67	Xuất Sắc	1,200,000	
14	Hồ Nguyễn Hoài Thương	Luật	2320864054	K23VLK1	Mồ côi cha có hoàn cảnh kinh tế khó khăn	Giấy chứng tử + Giấy xác nhận gia đình khó khăn của địa phương	8.08	Xuất Sắc	1,200,000	
									15,600,000	

ĐỐI TƯỢNG 5 - Sinh viên khuyết tật(có giấy giám định y khoa) hoặc dân tộc thiểu số

1	Vi Văn Long	QTKD	2221869244	K22QTH6	Dân tộc Thái	Giấy khai sinh + Giấy xác nhận của địa phương	5.87	Tốt	1,200,000	
2	Y Vi La Rya	QTKD	24212207626	K24QTM2	Dân tộc M nông	Giấy xác nhận của UBND xã Ea Huar	7.53	Tốt	1,600,000	
3	Nhâm Văn Hội	Du Lịch	23217111656	K23DLK11	Dân tộc Nùng	Giấy xác nhận của UBND xã Hồng Nam	6.37	Tốt	1,200,000	
4	Hoàng Thanh Trang	Du Lịch	2320715410	K23DLK10	Dân tộc Nùng	Giấy khai sinh + Giấy xác nhận của địa phương	6.02	Tốt	1,200,000	
5	H Guin Êban	Du Lịch	24207105293	K24DLK12	Dân tộc Ê đê	Giấy xác nhận của UBND xã Ea Păk	6.28	Tốt	1,200,000	
6	Lê Kim Nhân	Du Lịch	24217200563	K24PSU DLL1	Khuyết tật	Thần kinh tâm thần có xác nhận của UBND xã Phú Sơn	7.74	Tốt	1,600,000	
7	Hứa Văn Đại	ĐTQT	2221172583	K22CMU TMT	Dân tộc Nùng	Giấy khai sinh	6.80	Tốt	1,200,000	
8	Vy Kim Duy	Dược	2121524687	K21YDH1	Dân tộc Nùng	Giấy khai sinh	7.14	Giỏi	1,600,000	
9	Hồ Thúy Ngân	Dược	2320528986	K23YDH7	Khuyết tật	Chân(P) teo cơ, bàn chân khoèo, đi chân giả.	7.61	Tốt	1,600,000	
10	Huỳnh Bình Duyên	Dược	24205209301	K24YDH9	Khuyết tật	Mất các ngón của 2 bàn tay, đi chân giả	7.36	Tốt	1,600,000	

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối Tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB năm học 2018-2019	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ
11	Võ Thị Kiều Anh	Y	2320538773	K23YDK3	Dân tộc Thổ	Giấy khai sinh	6.45	Tốt	1,200,000	
12	KSOR Ha Sa	Đ. Dưỡng	2320519490	K23YDD3	Dân tộc Jrai	Giấy xác nhận của chính quyền địa phương ngày 25/09/2019	8.04	Xuất Sắc	1,600,000	
13	Lương Quang Khánh	Luật	2221863844	K22VLK1	Dân tộc Thái	Giấy xác nhận của UBND xã Nam Xuân + CMND	7.28	Khá	1,600,000	
14	Bùi Thị Thanh Hoa	Luật	2320863668	K23VLK2	Dân tộc Mường	Giấy xác nhận của Ban Dân Tộc tỉnh Đắk Lắk	7.49	Tốt	1,600,000	
15	KSOR Rô HNhi	Luật	24208602964	K24LKT1	Dân tộc Jrai	Giấy xác nhận của UBND phường Ia Kring ngày 25/10/2019	6.68	Khá	1,200,000	
16	Đinh Phan Thùy Linh	Luật	24208602511	K24LKT2	Dân tộc Nùng	Giấy khai sinh	6.28	Tốt	1,200,000	
17	Triệu Thị Lệ	N. Ngữ	2320319873	K23NAB7	Dân tộc Nùng	Sổ hộ khẩu	7.54	Tốt	1,600,000	
18	Nguyễn Triều Tiên	CNTT	2321129744	K23TPM8	Khuyết tật	Di chứng bại não, hạn chế vận động và chậm phát triển tâm thần mức độ vừa	5.60	Xuất Sắc	1,200,000	
19	Trần Nguyễn Thu Thương	CNTT	2320123367	K23TPM7	Khuyết tật	Khuyết tật vận động mức độ nặng (Vết sẹo ở bụng lớn)	7.62	Xuất Sắc	1,600,000	
									26,800,000	

ĐỐI TƯỢNG 6 - Sinh viên có 2 anh/chị em ruột học cùng trường (Xét trên từng SV)

1	Nguyễn Thị Thanh Trâm	Kế Toán	2320250808	K23KKT2	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Kim Trúc lớp K24DLK7	7.51	Xuất Sắc	1,000,000	
2	Hồ Thị Mai Trinh	Kế Toán	2220868120	K22KDN2	Hai chị em học cùng trường	Em: Hồ Thị Mai Yến khóa K25	6.13	Tốt	600,000	
3	Phan Thúy Ngân	Kế Toán	2320216100	K23KKT1	Hai chị em học cùng trường	Em: Phan Ái Ly khóa K25.	7.71	Xuất Sắc	1,000,000	
4	Hồ Như Quỳnh	Kế Toán	2320269813	K23KKT1	Hai chị em học cùng trường	Em: Hồ Sỹ Nhật Nguyên khóa K25	7.64	Tốt	1,000,000	

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối Tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB năm học 2018-2019	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ
5	Hoàng Bảo Linh	Kế Toán	2320253067	K23KKT2	Hai chị em học cùng trường	Em: Hoàng Bảo Thy lớp K24KKT1 (ko đủ đk xét điểm TBC: 5.17)	7.37	Tốt	1,000,000	
6	Trần Lương Hoàng Trần	Kế Toán	2221259631	K22KKT3	Hai anh em học cùng trường	Em: Trần Lương Nhật Tân lớp K24 ko đủ đk xét (điểm TBC: 5.49)	5.67	Tốt	600,000	
7	Nguyễn Thị Phượng	QTKD	2220863745	K22QTC	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Hoàng lớp K24DLL7	8.20	Xuất Sắc	1,000,000	
8	Nguyễn Thị Thúy Ngân	QTKD	2220217590	K22QNH	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Như Quỳnh lớp K24YDH10	7.33	Tốt	1,000,000	
9	Nguyễn Thị Xuân Yến	QTKD	2220277877	K22QNT	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Thanh Tâm lớp K24QNT	8.06	Tốt	1,000,000	
10	Nguyễn Thị Thanh Tâm	QTKD	24202707887	K24QNT	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Xuân Yến lớp K22QNT	8.15	Tốt	1,000,000	
11	Đặng Thị Hiếu	QTKD	2320220849	K23QTM2	Hai chị em học cùng trường	Chị: Đặng Thị Hiền Vy lớp K21YDH11	6.47	Tốt	600,000	
12	Lê Thị Ngọc Ái	QTKD	2220274503	K22QNT	Hai anh em học cùng trường	Anh: Lê Hữu Nhân lớp K23TPM1(Từ K20 -> K23 ko đủ đk xét ĐTB: 3.83)	6.84	Tốt	600,000	
13	Nguyễn Văn Thuận	QTKD	24212307643	K24HP-QTC	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Mai Thị Hoài Thương lớp K22QTC (Ko đủ đk xét điểm 5.35)	6.90	Tốt	600,000	
14	Nguyễn Xuân Trường	QTKD	2221218095	K22QTH3	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Huỳnh Như lớp K24QTH2	7.60	Tốt	1,000,000	
15	Nguyễn Thị Huỳnh Như	QTKD	24202116537	K24QTH2	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Xuân Trường lớp K22QTH3	7.26	Tốt	1,000,000	
16	Nguyễn Thị Lê Kim Ngân	QTKD	24202202103	K24QTM2	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Nguyệt Hà khóa K25	7.26	Xuất Sắc	1,000,000	
17	Nguyễn Thị Thanh Quỳnh	QTKD	2220279367	K22QNT	Hai chị em học cùng trường	Em; Nguyễn Công Danh khóa K25	8.29	Xuất Sắc	1,000,000	
18	Nguyễn Việt Cường	QTKD	24212116192	K24QTH8	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Ngân lớp K22YDH3	6.08	Tốt	600,000	

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối Tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB năm học 2018-2019	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ
19	Ông Lê Ái Quỳnh	QTKD	2320210818	K23QTH4	Ba chị em học cùng trường	Chị: Ông Lê Thảo Linh lớp k22DLK2 và Ông Lê Miên Diễm lớp K23YDH10	7.43	Tốt	1,000,000	
20	Bùi Thị Bích Nga	Du Lịch	2220724251	K22DLL2	Hai chị em học cùng trường	Chị: Bùi Thị Bích Ngọc lớp K21YDH8	8.55	Tốt	1,000,000	
21	Trần Công Hoàng Nhân	Du Lịch	2320710531	K23PSU DLK14	Hai chị em học cùng trường	Em: Trần Công Phước lớp K23PSU DLK14	7.62	Xuất Sắc	1,000,000	
22	Trần Công Phước	Du Lịch	2321120418	K23PSU DLK14	Hai chị em học cùng trường	Chị: Trần Công Hoàng Nhân lớp K23PSU DLK14	6.73	Tốt	600,000	
23	Ng. Ngọc Quỳnh Tiên	Du Lịch	2320716457	K23DLK1	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Ngọc Trương Quân lớp K21YDH12	7.37	Tốt	1,000,000	
24	Đồng Thị Xuân Hà	Du Lịch	24207107851	K24PSU DLK2	Hai chị em học cùng trường	Em: Đồng Xuân Hiền lớp K25ADH3	7.70	Tốt	1,000,000	
25	Trần Hoài Phương	Du Lịch	24207208577	K24PSU DLK2	Hai anh em học cùng trường	Anh: Trần Nhân Thánh lớp K22TMT	7.47	Tốt	1,000,000	
26	Trương Vy	Du Lịch	2221717163	K22PSU DLK3	Hai anh em học cùng trường	Em: Trương Hoài Linh Khóa K25	8.10	Xuất Sắc	1,000,000	
27	Lê Thị Ngân	Du Lịch	2220326410	K22DLK5	Hai chị em học cùng trường	Em: Lê Thúy Na lớp k22DLK6 ko đủ đk xét (Điểm TB: 5.45)	5.92	Tốt	600,000	
28	Võ Văn Thanh Lâu	Du Lịch	2321715210	K23DLK15	Hai anh em học cùng trường	Em: Võ Thị Bích Diễm khóa K25	6.14	Tốt	600,000	
29	Ngô Tấn Khánh	Du Lịch	2221727320	K22DLL4	Hai anh em học cùng trường	Anh: Ngô Tấn Tâm lớp K21CSU KTR	7.24	Tốt	1,000,000	
30	Nguyễn Thị Thu Trang	Du Lịch	24207213929	K24PSU DLK8	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Anh Minh lớp K21YDH11	7.91	Khá	1,000,000	
31	Lê Văn Thành Quốc	Du Lịch	24212106744	K24DLK22	Hai chị em học cùng trường	Chị: Lê Thị Kim Huệ lớp K23YDK7	7.50	Tốt	1,000,000	
32	Nguyễn Thị Kim Trúc	Du Lịch	24207116177	K24DLK7	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Thanh Trâm lớp K23KKT2	8.17	Tốt	1,000,000	

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối Tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB năm học 2018-2019	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ
33	Nguyễn Thị Diễm	Du Lịch	2220727279	K22DLL2	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Tây Thi khóa K25	7.48	Xuất Sắc	1,000,000	
34	Phạm Nguyên Đan	Du Lịch	23207111014	K23PSU DLK4	Hai chị em học cùng trường	Em: Phạm Quang Đăng khóa K25	6.61	Khá	600,000	
35	Nguyễn Thị Hoàng	Du Lịch	24207216586	K24DLL7	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Phượng lớp K22QTC	7.29	Tốt	1,000,000	
36	Ông Lê Thảo Linh	Du Lịch	2220714103	K22DLK2	Ba chị em học cùng trường	Em: Ông Lê Miên Diễm lớp K23YDH10 và Ông Lê Ái Quỳnh lớp K23QTH4.	6.98	Xuất Sắc	600,000	
37	Nguyễn Thanh Dũng	CNTT	2221125613	K22TPM6	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Thanh Đạt lớp K22TPM6 (ko đủ đk xét điểm 0.40)	8.93	Xuất Sắc	1,000,000	
38	Trần Thị Mỹ Đào	CNTT	2220125598	K22TPM5	Hai chị em học cùng trường	Chị: Trần Thị Mỹ Hồng lớp K21YDH12	7.79	Xuất Sắc	1,000,000	
39	Trần Nhân Thánh	CNTT	2221128887	K22TMT	Hai anh em học cùng trường	Em: Trần Hoài Phương khóa K24PSU DLK2	7.45	Xuất Sắc	1,000,000	
40	Lê Trọng Tài	CNTT	2321712654	K23TPM7	Hai anh em học cùng trường	Anh: Lê Trọng Cầu lớp K22ADH	5.66	Khá	600,000	
41	Trần Nguyễn Hoài Thương	CNTT	2320123387	K23TPM7	Hai chị em học cùng trường	Em: Trần Nguyễn Thu Thương lớp K23TPM7	8.02	Xuất Sắc	1,000,000	
42	Vô Văn An	CNTT	2321123692	K23TPM1	Hai anh em học cùng trường	Em: Võ Văn Khang lớp K23TPM1	7.63	Khá	1,000,000	
43	Vô Văn Khang	CNTT	2321123703	K23TPM1	Hai anh em học cùng trường	Anh: Võ Văn An lớp K23TPM1	7.67	Khá	1,000,000	
44	Phạm Thị Vui	CNTT	24201207153	K24TPM	Hai anh em học cùng trường	Anh: Phạm Thanh Vinh lớp K22EDT2	8.72	Xuất Sắc	1,000,000	
45	Lê Minh Trình	Xây Dựng	2121639612	K21XDD2	Hai anh em học cùng trường	Em: Lê Thị Ánh Nguyệt khóa K25	6.81	Tốt	600,000	
46	Lê Trọng Cầu	Kiến Trúc	2221433674	K22ADH	Hai anh em học cùng trường	Em: Lê Trọng Tài lớp K23TPM7	6.07	Tốt	600,000	

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối Tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB năm học 2018-2019	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ
47	Ngô Ngọc Quang	Điện- ĐTứ	2321173808	K23EDT1	Hai chị em học cùng trường	Chị: Ngô Thị Hoa lớp T22YDHB	6.64	Tốt	600,000	
48	Phạm Thanh Vinh	Điện- ĐTứ	2221217717	K22EDT2	Hai anh em học cùng trường	Em: Phạm Thị Vui lớp K24TPM	6.90	Tốt	600,000	
49	Thái Phương Triều	Điện- ĐTứ	2221172607	K23EDT	Hai anh em học cùng trường	Em: Thái Thị Phương Lam lớp K23NAB2	7.83	Tốt	1,000,000	
50	Trần Thị Hoài Phương	Điện- ĐTứ	2220154822	K22EVT	Hai chị em học cùng trường	Em: Trần Ngọc Nhớ khóa K25.	7.68	Xuất Sắc	1,000,000	
51	Lê Xuân Hiếu	ĐTQT	2321124665	K23CMU TPM5	Hai chị em học cùng trường	Chị: Lê Thị Kim Oanh lớp K21YDH12	7.51	Tốt	1,000,000	
52	Nguyễn Thị Như Huyền	ĐTQT	2320250498	K23PSU KKT1	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Quang Hiếu lớp K24CMU TPM8	7.88	Tốt	1,000,000	
53	Nguyễn Quang Hiếu	ĐTQT	24211115193	K24CMU TPM8	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Như Huyền lớp K23PSU KKT1	6.84	Xuất Sắc	600,000	
54	Đỗ Phú Nhân	ĐTQT	2321213717	K23PSU QTH3	Hai anh em học cùng trường	Anh: Đỗ Phú Hậu lớp K21YDH12	6.69	Tốt	600,000	
55	Nguyễn Thị Tin	ĐTQT	23202512000	K23PSU KKT2	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Trang Diễm lớp K22VLK4 (Ko đk xét giảm 4.26 của HK 2)	7.75	Khá	1,000,000	
56	Phạm Ngọc Lễ	ĐTQT	2321214721	K23PSU QTH3	Hai anh em học cùng trường	Anh: Phạm Ngọc Quý lớp K21CSUKTR	5.93	Tốt	600,000	
57	Phạm Ngọc Quý	ĐTQT	2121424328	K21CSU KTR	Hai anh em học cùng trường	Em: Phạm Ngọc Lễ lớp K23PSU QTH3	6.62	Xuất Sắc	600,000	
58	Phan Thanh Phú	ĐTQT	24212100175	K24QTH2	Hai vợ chồng học cùng trường	Vợ: Nguyễn Thị Thiên Thanh khóa K25.	6.60	Tốt	600,000	
59	Nguyễn Thái Thành	ĐTQT	2221622546	K22CSU XDD	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Bích Ngọc lớp K24PSU KKT	7.66	Tốt	1,000,000	
60	Nguyễn Thị Bích Ngọc	ĐTQT	24202605009	K24PSU KKT	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Thái Thành lớp K22CSU XDD	6.82	Tốt	600,000	

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối Tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB năm học 2018-2019	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ
61	Ng. Đặng Hoàng Oanh	ĐTQT	2320216134	K23PSU QTH2	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Đặng Thùy Trâm lớp K22PSU QTH1	7.61	Khá	1,000,000	
62	Nguyễn Đặng Thùy Trâm	ĐTQT	2220218079	K22PSU QTH1	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Đặng Hoàng Oanh lớp K23PSU QTH	6.58	Tốt	600,000	
63	Cao Vũ Kỳ	ĐTQT	2221125659	K22TPM4	Hai anh em học cùng trường	Em: Cao Hồng Phong khóa K25	5.73	Tốt	600,000	
64	Ngô Tấn Tâm	ĐTQT	2121427669	K21CSU KTR	Hai anh em học cùng trường	Em: Ngô Tấn Khánh lớp K22DLL4	6.29	Xuất Sắc	600,000	
65	Nguyễn Công Thành	ĐTQT	2221123653	K22CMU TPM3	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Duy Lập lớp K23YDH7	7.08	Tốt	1,000,000	
66	Trần Minh Thiện	ĐTQT	2221123633	K22CMU TPM3	Hai anh em học cùng trường	Em: Trần Kim Bảo Ngọc lớp K24YDH7	6.91	Xuất Sắc	600,000	
67	Phan Tấn Quốc Dũng	Đ.Dưỡng	2321515127	K23YDD2	Hai anh em học cùng trường	Anh: Phan Tấn Quốc Đạt lớp K21YDH11	6.10	Tốt	600,000	
68	Nguyễn Thị Diễm Hương	Đ.Dưỡng	2220512701	K22YDD1	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Lệ Hằng lớp D22YDHAB	7.64	Xuất Sắc	1,000,000	
69	Phạm Thị Vân Anh	Đ.Dưỡng	2220265344	K22YDD2	Ba chị em học cùng trường	Em: Phạm Thị Thùy Trang lớp D23YDHAB, Phạm Tú Bình lớp K24YDD2	7.22	Tốt	1,000,000	
70	Phạm Tú Bình	Đ.Dưỡng	24205101989	K24YDD3	Ba chị em học cùng trường	Chị: Phạm Thị Vân Anh lớp K22YDD2, Phạm Thị Thùy Trang lớp D23YDHAB	6.66	Khá	600,000	
71	Nguyễn Hữu Tú	Đ.Dưỡng	2321512586	K23YDD3	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Hữu Tuân lớp K23YDD3	6.21	Tốt	600,000	
72	Nguyễn Hữu Tuân	Đ.Dưỡng	2321512587	K23YDD3	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Hữu Tú lớp K23YDD3	7.08	Xuất Sắc	1,000,000	
73	Nguyễn Thị Thảo	Đ.Dưỡng	24205115362	K24YDD5	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Hiếu lớp K23YDD3	6.18	Tốt	600,000	
74	Nguyễn Thị Hiếu	Đ.Dưỡng	23205110291	K23YDD3	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Thảo lớp K24YDD5	7.00	Tốt	1,000,000	

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối Tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB năm học 2018-2019	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ
75	Phan Thị Tú Oanh	Đ.Dưỡng	2220515108	K22YDD3	Hai chị em học cùng trường	Em: Phan Thị Huệ khóa K25	7.52	Giỏi	1,000,000	
76	Nguyễn Thị Diệu Linh	Đ.Dưỡng	2320512572	K23YDD4	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Diệu Lê khóa K25	7.00	Tốt	1,000,000	
77	Phạm Thị Thanh Hương	Đ.Dưỡng	24205108174	K24YDD1	Hai chị em học cùng trường	Em: Phạm Trọng Minh khóa K25.	6.81	Khá	600,000	
78	Nguyễn Thanh Ngân	Đ.Dưỡng	2320512771	K23YDD4	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Trung Phước khóa K25.	6.45	Tốt	600,000	
79	Lê Thị Phương	Đ.Dưỡng	2320514216	K23YDD3	Hai chị em học cùng trường	Em: Lê Thị Thảo Ngân lớp K24YDH6	7.15	Tốt	1,000,000	
80	Trần Thị Nhi	Đ.Dưỡng	24205105987	K24YDD3	Hai chị em học cùng trường	Chị: Trần Thị Sen lớp D23YDHA	7.32	Tốt	1,000,000	
81	Lê Thị Hồng Phú	Đ.Dưỡng	24205115656	K24YDD5	Hai anh em học cùng trường	Anh: Lê Hữu An lớp K22TPM5 (Ko đủ đk xét. ĐTB: 4.18)	7.45	Tốt	1,000,000	
82	Lê Thị Thúy Kiều	Được	2220523223	K22YDH2	Hai chị em học cùng trường	Chị: Lê Thị Thúy Vân Lớp K22YDH2	8.02	Tốt	1,000,000	
83	Lê Thị Thúy Vân	Được	2220523216	K22YDH2	Hai chị em học cùng trường	Em: Lê Thị Thúy Kiều lớp K22YDH2	8.28	Tốt	1,000,000	
84	Nguyễn Thị Thắm	Được	2120524579	K21YDH6	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Kim Huệ lớp K23NAB2	7.68	Tốt	1,000,000	
85	Trần Thị Mỹ Hồng	Được	2120528939	K21YDH12	Hai chị em học cùng trường	Em: Trần Thị Mỹ Đào khóa K22TPM5	7.85	Tốt	1,000,000	
86	Võ Thị Tấn Tiền	Được	2120526791	K21YDH11	Hai chị em học cùng trường	Chị: Võ Thị Triệu Uy lớp D22YDH	8.09	Khá	1,000,000	
87	Võ Thị Triệu Uy	Được	2226521569	D22YDHB	Hai chị em học cùng trường	Em: Võ Thị Tấn Tiền lớp K21YDH11	6.56	Khá	600,000	
88	Nguyễn Thành Nghĩa	Được	2221523194	K22YDH3	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Thành Nhân lớp K22YDH3	6.76	Tốt	600,000	

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối Tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB năm học 2018-2019	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ
89	Nguyễn Thành Nhân	Dược	2221523195	K22YDH3	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Thành Nghĩa lớp K22YDH3	6.65	Tốt	600,000	
90	Đỗ Phú Hậu	Dược	2121528032	K21YDH12	Hai anh em học cùng trường	Em: Đỗ Phú Nhân lớp K23PSU QTH3	8.26	Tốt	1,000,000	
91	Đặng Thị Hiền Vy	Dược	2120524674	K21YDH11	Hai chị em học cùng trường	Em: Đặng Thị Hiếu lớp K23QTM2	5.60	Tốt	600,000	
92	Lê Thị Kim Oanh	Dược	2120524752	K21YDH12	Hai chị em học cùng trường	Em: Lê Xuân Hiếu lớp K23CMU TPM5	8.88	Tốt	1,000,000	
93	Ngô Thị Hoa	Dược	2226521342	T22YDHB	Hai chị em học cùng trường	Em: Ngô Ngọc Quang lớp K23EDT1	7.12	Tốt	1,000,000	
94	Phan Tấn Quốc Đạt	Dược	2121524513	K21YDH11	Hai anh em học cùng trường	Em: Phan Tấn Quốc Dũng lớp K23YDD2	6.95	Tốt	600,000	
95	Nguyễn Thị Phước Thảo	Dược	2226521424	T22YDHB	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Thúy Tâm lớp D23YDHB	6.27	Tốt	600,000	
96	Nguyễn Thị Thúy Tâm	Dược	2326521094	D23YDHB	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Phước Thảo lớp T22YDHB	8.04	Xuất Sắc	1,000,000	
97	Trần Thị Thu Thảo	Dược	2120524781	K21YDH5	Hai chị em học cùng trường	Em: Trần Thị Thùy Trang lớp K22YDH2	7.35	Tốt	1,000,000	
98	Trần Thị Thùy Trang	Dược	2220538652	K22YDH2	Hai chị em học cùng trường	Chị: Trần Thị Thu Thảo lớp K21YDH5	7.63	Tốt	1,000,000	
99	Trần Vô Thị Mỹ Linh	Dược	2120527543	K21YDH9	Hai chị em học cùng trường	Em: Trần Thị Ái Linh lớp K23YDK4	8.31	Tốt	1,000,000	
100	Nguyễn Thị Lệ Hằng	Dược	2226521764	D22YDH AB	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Diễm Hương lớp K22YDD1	6.96	Tốt	600,000	
101	Nguyễn Thị Dương Nhi	Dược	2320520898	K23YDH2	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Dương Khôi lớp K21YDK2	6.30	Giỏi	600,000	
102	Bùi Thu Hương	Dược	2220512695	K22YDH6	Hai chị em học cùng trường	Em: Bùi Thu Hằng lớp K22YDH7	8.00	Tốt	1,000,000	

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối Tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB năm học 2018-2019	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ
103	Bùi Thu Hằng	Dược	2220522938	K22YDH7	Hai chị em học cùng trường	Chị: Bùi Thu Hương lớp K22YDH6	8.29	Giỏi	1,000,000	
104	Bùi Thị Bích Ngọc	Dược	2120524621	K21YDH8	Hai chị em học cùng trường	Em: Bùi Thị Bích Nga lớp K22DLL2	7.41	Tốt	1,000,000	
105	Trần Thị Mỹ Linh	Dược	2120524489	K21YDH11	Hai chị em học cùng trường	Em: Trần Quốc Cường lớp K24NTQ1 ko đủ dt xét (Điểm DLK YS)	7.86	Xuất Sắc	1,000,000	
106	Nguyễn Thị Ngân	Dược	2220522969	K22YDH3	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Việt Cường lớp K24QTH8	7.45	Tốt	1,000,000	
107	Nguyễn Như Bình	Dược	2120526687	K21YDH10	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Như Ý Ly lớp K22YDH3	6.57	Tốt	600,000	
108	Nguyễn Như Ý Ly	Dược	2220528228	K22YDH3	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Như Bình lớp K21YDH10	7.02	Khá	1,000,000	
109	Nguyễn Thị Thu Hà	Dược	2120528931	K21YDH11	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Diệu Huyền lớp K24NAD8	7.15	Tốt	1,000,000	
110	Ng. Ngọc Trương Quân	Dược	2121524510	K21YDH12	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Ngọc Quỳnh Tiên lớp K23DLK1	7.85	Khá	1,000,000	
111	Ng. Trương Trường Long	Dược	2121524847	K21YDH11	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Yến Nhi lớp K24NAB2	6.02	Khá	600,000	
112	Nguyễn Anh Minh	Dược	2121524797	K21YDH11	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Thu Trang lớp K24PSU DLK8	6.15	Tốt	600,000	
113	Đinh Thị Ngọc Huyền	Dược	2120524675	K21YDH7	Hai chị em học cùng trường	Em: Đinh Thị Ngọc Hà lớp K24YDK2	7.15	Tốt	1,000,000	
114	Nguyễn Thị Hoàng Uyên	Dược	2320520298	K23YDH2	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Hoàng Cầm Tú khóa K25	6.25	Xuất Sắc	600,000	
115	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Dược	2220522839	K22YDH6	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Diễm My khóa K25	7.27	Tốt	1,000,000	
116	Hoàng Thị Ngọc Vân	Dược	2320520584	K23YDH7	Hai chị em học cùng trường	Em: Hoàng Ngọc Anh Tuấn khóa K25	6.85	Tốt	600,000	

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối Tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB năm học 2018-2019	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ
117	Lê Thị Thảo Ngân	Dược	24205211607	K24YDH6	Hai chị em học cùng trường	Chị: Lê Thị Phương lớp K23YDD3	6.43	Tốt	600,000	
118	Nguyễn Duy Lập	Dược	2321520276	K23YDH7	Hai anh em học cùng trường	Anh: Nguyễn Công Thành lớp K22CMU TPM3	5.69	Tốt	600,000	
119	Trần Thị Sen	Dược	2326521090	D23YDHA	Hai chị em học cùng trường	Em: Trần Thị Nhi lớp K24YDD3	7.61	Tốt	1,000,000	
120	Phạm Thị Thùy Trang	Dược	23265212691	D23YDHAB	Ba chị em học cùng trường	Chị: Phạm Thị Vân Anh lớp K22YDD2, Phạm Tú Bình lớp K24YDD3	6.86	Tốt	600,000	
121	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Dược	24205216707	K24YDH10	Ba chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Thúy Ngân lớp K22QNH	5.89	Khá	600,000	
122	Dương Huỳnh Hoài Thơ	Dược	24205206428	K24YDH5	Ba chị em học cùng trường	Chị: Dương Huỳnh Hoài Thư lớp K24YDK2	6.76	Tốt	600,000	
123	Trần Kim Bảo Ngọc	Dược	24205206480	K24YDH7	Hai anh em học cùng trường	Anh: Trần Minh Thiện lớp K22CMU TPM3	8.27	Tốt	1,000,000	
124	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Dược	23205211588	K23YDH8	Hai chị em học cùng trường	Em: Nguyễn Hải Thanh khóa K25	7.28	Tốt	1,000,000	
125	Ông Lê Miên Diễm	Dược	2320520817	K23YDH10	Ba chị em học cùng trường	Chị: Ông Lê Thảo Linh lớp k22DLK2 và Ông Lê Ái Quỳnh lớp K23QTH14.	6.85	Xuất Sắc	600,000	
126	Trần Thị Ái Linh	Y	23205310992	K23YDK4	Hai chị em học cùng trường	Chị: Trần Võ Thị Mỹ Linh lớp K21YDH9	7.24	Tốt	1,000,000	
127	Nguyễn Dương Khôi	Y	2121534448	K21YDK2	Hai anh em học cùng trường	Em: Nguyễn Thị Dương Nhi lớp K23YDH2	7.73	Giỏi	1,000,000	
128	Lê Thị Kim Huệ	Y	2320531375	K23YDK7	Hai chị em học cùng trường	Em: Lê Văn Thành Quốc lớp K24DLK22	8.58	Tốt	1,000,000	
129	Dương Thị Oanh	Y	2320538657	K23YDK5	Hai chị em học cùng trường	Em: Dương Ngọc Ánh khóa K25	6.38	Tốt	600,000	
130	Đinh Thị Ngọc Hà	Y	24205309605	K24YDK2	Hai chị em học cùng trường	Chị: Đinh Thị Ngọc Huyền lớp K21YDH7	7.05	Tốt	1,000,000	

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối Tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB năm học 2018-2019	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ
131	Dương Huỳnh Hoài Thư	Y	24205306429	K24YDK2	Hai chị em học cùng trường	Em: Dương Huỳnh Hoài Thư lớp K24YDH5	8.03	Xuất Sắc	1,000,000	
132	Nguyễn Thị Kim Huệ	N.Ngữ	2320315658	K23NAB2	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Thắm lớp K21YDH6	7.88	Tốt	1,000,000	
133	Vô Thị Thu Sương	N.Ngữ	2320315702	K23NAD1	Hai chị em học cùng trường	Em: Vô Thị Tường Vy lớp K24NTQ2 ko đủ đk xét (ĐRL: Yếu)	7.68	Khá	1,000,000	
134	Nguyễn Thị Diệu Huyền	N.Ngữ	24203215753	K24NAD8	Hai chị em học cùng trường	Chị: Nguyễn Thị Thu Hà lớp K21YDH11	7.05	Tốt	1,000,000	
135	Nguyễn Thị Yên Nhi	N.Ngữ	24203116595	K24NAB2	Hai anh em học cùng trường	Anh:Nguyễn Trương Trường Long lớp K21YDH11	6.37	Tốt	600,000	
136	Thái Thị Phương Lam	N.Ngữ	2320315725	K23NAB2	Hai anh em học cùng trường	Anh: Thái Phương Triều lớp K23EDT	7.70	Tốt	1,000,000	
137	Vô Lê Vi	N.Ngữ	23203210919	K23NAD5	Hai chị em học cùng trường	Em: Vô Yến Sương khóa K25	6.81	Xuất Sắc	600,000	
138	Phan Nguyễn Hoài Linh	N.Ngữ	2320315709	K23NAB2	Hai chị em học cùng trường	Em: Phan Nguyễn Hoài Liên lớp K24NAB11	7.55	Xuất Sắc	1,000,000	
139	Phan Nguyễn Hoài Liên	N.Ngữ	24203106952	K24NAB11	Hai chị em học cùng trường	Chị: Phan Nguyễn Hoài Linh lớp K23NAB2	7.10	Tốt	1,000,000	
									117,400,000	

ĐỐI TƯỢNG 7 - Con, em ruột của cán bộ, GV đang công tác tại trường

1	Đặng Lam Trường	CNTT	2321122738	K23TPM7	Em ruột cán bộ trong trường	Chị: Đặng Thị Thanh Thương đang công tác tại khoa Điều Dưỡng.	6.91	Tốt	400,000	
2	Nguyễn Thị Thục Hiền	Dược	2320528973	K23YDH1	Em ruột cán bộ trong trường	Chị: Nguyễn Thu Thảo đang công tác tại khoa Dược	8.42	Xuất Sắc	800,000	
3	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Dược	23265212693	D23YDHAB	Con ruột cán bộ trong trường	Me: Phan Thị Là đang công tác Tổ phục vụ.	8.31	Tốt	800,000	

TT	HỌ VÀ TÊN SV	KHOA	MSSV	LỚP	Đối Tượng miễn giảm	Diễn giải	ĐTB năm học 2018-2019	Kết quả rèn luyện	Mức giảm học phí	Kết luận của HĐ
4	Trần Ngọc Khánh	Y	2121534447	K21YDK1	Con ruột cán bộ trong trường	Mẹ: Võ Thị Hà Hoa đang công tác tại Khoa Y	7.96	Giỏi	800,000	
5	Phùng Thị Khánh Huyền	Đ.Dưỡng	2320711414	K23YDD1	Em ruột cán bộ trong trường	Chị: Phùng Thị Khánh Ly đang công tác trợ giảng tại khoa Dược	6.20	Tốt	400,000	
6	Dương Xuân Nhân	ĐTQT	2221128604	K22CMU TPM2	Em ruột cán bộ trong trường	Chị: Dương Thị Ngọc Bích đang công tác tại khoa Điều Dưỡng	7.29	Tốt	800,000	
7	Phan Hạnh Linh	Du Lịch	24207108203	K24PSU DLK1	Con ruột cán bộ trong trường	Bà: Phan Phụng Lập đang công tác tại Ban dự án	8.16	Giỏi	800,000	
8	Lương Ngọc Minh	Du Lịch	24217100578	K24DLK1	Con ruột cán bộ trong trường	Mẹ: Trần Thị Minh Giang đang công tác tại khoa Ngoại Ngữ.	7.67	Tốt	800,000	
9	Nguyễn Thị Kim Dung	N. Ngữ	24203115912	K24NTQ3	Em ruột cán bộ trong trường	Chị: Nguyễn Thị Kim Yến đang công tác tại khoa KHTN.	8.67	Tốt	800,000	
									6,400,000	

Tổng cộng: 255 sinh viên. Tổng số tiền: 236,200,000 (Hai trăm ba mươi sáu triệu hai trăm ngàn đồng).

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 12 năm 2019

P. CÔNG TÁC SINH VIÊN

P. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký
TS.Lê Nguyên Bảo